

**PHỤ LỤC II: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI
LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ (BAO GỒM ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG
NGHIỆP; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP; ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN) TẠI ĐÔ THỊ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)*

1. PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Đường Võ Nguyên Giáp				
1.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh tra tỉnh (cơ sở 2)), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768	24.682	12.320		
1.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh tra tỉnh (cơ sở 2)), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650	20.146	10.101		
1.3	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471	16.303	8.159		
1.4	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng (trừ đoạn Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại phường Điện Biên Phủ)	22.162	11.111		
1.5	- Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144	11.200	5.586		
1.6	- Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 công trường Cao đẳng Điện Biên	7.840	3.920		
1.7	- Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận)	6.230	3.108		
1.8	- Đoạn từ cầu Huổi Phạ đến hết đất nhà Thương Hồng (Thửa 19 TĐĐ 51), đối diện bên kia đường hết đất thửa 247 TĐĐ 50	4.060	2.030	1.218	
1.9	-Đoạn từ tiếp giáp thửa 19 TĐĐ 51 (Đối diện bên kia đường tiếp giáp thửa 247 TĐĐ 50) đến hết địa phận xã Thanh Minh cũ	2.324	1.155	693	
2	Đường Trần Đăng Ninh				
	-Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	24.689	12.320		
3	Đường Trường Chinh				
3.1	- Đoạn tiếp giáp Võ Nguyên Giáp đến đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường đến hết đất SN 67	15.015	7.497		
3.2	- Đoạn từ đường rẽ vào trường PTDT nội trú tỉnh, đối diện bên kia đường từ tiếp giáp đất SN 69 đến ngã tư đường Hoàng Công Chất (Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ)	12.726	6.384		
4	Đường Nguyễn Hữu Thọ				
4.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến tiếp giáp đất cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội) đối diện sang bên kia đường là công vào Cảng hàng không	12.390	6.252		
4.2	- Đoạn từ cây xăng số 15 (cây xăng Quân đội), phía bên kia đường là công vào Cảng hàng không đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Khắc Dược	7.700	3.856		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
5	Đường Nguyễn Chí Thanh				
5.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã tư đường Bế Văn Đàn	24.150	12.075		
5.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã ba đường Phạm Văn Đồng	19.530	9.800		
6	Đường Bế Văn Đàn				
6.1	- Ngã ba đường Võ Nguyên Giáp (Phòng Giao dịch Điện Biên - Chi nhánh Ngân hàng phát triển Điện Biên - Lai Châu) đến hết cầu Mường Thanh	17.500	8.750		
6.2	- Đoạn từ cầu Mường Thanh đến tiếp giáp đất Cảng hàng không (đường vào xã Thanh Luông cũ)	4.200	2.100	1.260	
7	Đường Ngô Mạnh Lân: Từ giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Mường Then	8.400	4.196	2.495	
8	Đường Hoàng Văn Thái: Đoạn từ tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư nghĩa trang A1) đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ)	12.075	6.037		
9	Đường nối đường Hoàng Văn Thái đến đường Hoàng Công Chất (Từ ngã ba Tòa Án tỉnh cũ đến ngã tư rẽ vào cổng phụ Tỉnh đội)	9.905	4.968		
10	Đường Hoàng Công Chất				
10.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã tư Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ	11.760	5.880		
10.2	- Đoạn từ ngã tư Trường tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ đến ngã tư rẽ vào cổng phụ tỉnh đội, đối diện bên kia đường đến hết đất số nhà 155	8.820	4.410		
10.3	- Đoạn từ ngã tư rẽ vào cổng phụ Tỉnh Đội đến hết SN 221, đối diện bên kia đường là rẽ vào ngõ 246, SN 246	10.220	5.179	3.065	
10.4	- Đoạn tiếp giáp SN 221 đối diện bên kia đường là lối rẽ vào ngõ 246, đến ngã ba rẽ vào đường Tô Hữu (hết địa phận phường Mường Thanh cũ). Đối diện hết đất số nhà 237	8.820	4.410	2.625	
11	Đoạn tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến cổng Tỉnh đội	8.820	4.410		
12	Đường Lê Trọng Tấn				
12.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Karaoke Hoàng Gia) đến ngã tư tiếp giáp đường Phan Tư.	18.690	9.408		
12.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Phan Tư đến giáp đất Trung đoàn 82	4.599	2.293		
13	Đường Tôn Thất Tùng: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái đến cổng Tỉnh đội	5.250	2.657		
14	Quốc lộ 12: Đoạn từ ngã ba rẽ vào UBND xã Thanh Hưng (cũ) đến Ngã tư C4	2.660	1.585	894	
15	Đường Lò Văn Hặc: đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	8.890	3.277		
16	Đường Trần Văn Thọ: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Công an tỉnh) đến hết đất Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	8.890	4.507		
17	Đường 13/3	5.250	2.667		
18	Đường Roman Lazarovic Karmen: Đoạn tiếp giáp với đường Phan Đình Giót cạnh Đồi CI đến ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp cạnh sân Quảng trường 7/5 (trừ đoạn Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại phường Điện Biên Phủ)	8.890	4.495		
19	Đường Phan Đình Giót: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh UBND tỉnh) đến ngã ba tiếp giáp đường Trường Chinh (Sân vận động)	8.890	4.527		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
20	Đường Trần Can: Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh Quảng trường 7/5) đến ngã ba tiếp giáp đường Trường Chinh (chợ Trung tâm III)	8.890	4.435		
21	Các đường nhánh nối từ Võ Nguyên Giáp sang đường Nguyễn Chí Thanh	8.890	4.449		
22	Đường Tô Vĩnh Diện				
22.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện cây xăng Công an tỉnh) đến ngã ba tiếp giáp đường 7/5	5.943	2.979	1.809	
22.2	Đoạn từ tiếp giáp đường 7/5 đến hết đất nghĩa trang Him Lam	5.600	2.797	1.658	
23	Đường Sùng Phái Sinh				
23.1	- Đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Trung tâm thí nghiệm Điện Biên, bên kia đường đến ngõ vào phố 15 (phường Him Lam cũ).	8.890	4.452	2.671	
23.2	- Đoạn tiếp giáp đất Trung tâm thí nghiệm Điện Biên, bên kia đường tiếp giáp ngõ vào phố 15 (phường Him Lam cũ) đến ngã tư đường Nguyễn Bá Lạc	7.168	3.584	2.128	
23.3	- Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Bá Lạc đến đường Hoàng Công Chất	2.800	1.456	896	
24	Đường rẽ vào xí nghiệp gạch: Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường 11,5m	8.890	4.452	2.671	
25	Đường Hòa Bình: Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (qua trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2) đến ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (đối diện cổng Sở Nông nghiệp và Môi trường)	8.960	4.476	2.724	
26	Đường Tôn Đức Thắng				
26.1	- Đoạn từ tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái đến ngã ba suối Hồng Lú	6.041	3.077	1.868	
27	Đường Phạm Văn Đồng				
27.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Ngã tư rạp chiếu bóng) đến cầu A1	16.520	8.308		
27.2	-Đoạn từ đầu cầu A1 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh	10.605	5.355		
28	Đường Hoàng Anh: Đoạn từ ngã ba chợ C13 đến bờ mương Độc Lập tiếp giáp xã Thanh Nưa (cũ)	4.830	2.415	1.470	
29	Đường Mường Then: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ.	8.400	4.248	2.526	
30	Đường Hoàng Văn Nô				
30.1	Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Bát - na đến ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	6.272	3.133	1.880	
30.2	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận đến ngã ba rẽ vào bản Tà Lèng (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	6.020	3.007	1.754	
30.3	- Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở Trung tâm Chính trị phường Điện Biên Phủ (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	4.032	2.772	2.016	
31	Đường Hà Văn Nọa: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến ngã ba tiếp giáp đường Dương Quảng Châu	8.890	4.445		
32	Đường Hoàng Cầm				
32.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp vào đến hết đất Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên (2 bên đường) - Đường 32 m	12.495	6.300		
32.2	- Đoạn tiếp giáp đường 32m đến ngã ba tiếp giáp đường Đặng Đức Song	3.360	1.680	980	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
33	Đường Lương Thế Vinh: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đội quản lý Điện lực khu vực Điện Biên Phủ) đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô	6.041	3.077	1.868	
34	Đường Phùng Văn Khầu: Từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Thế Vinh	6.041			
35	Đường Đỗ Nhuận				
35.1	- Ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất khách sạn Him Lam	5.250	2.625		
35.2	- Đoạn tiếp giáp đất khách sạn Him Lam đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô	2.450	1.222	679	
36	Đường Lê Văn Duyệt: Ngã ba tiếp giáp đường Phùng Văn Khầu đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Thế Vinh	4.599			
37	Đường Đặng Đức Song				
37.1	- Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Công ty Xăng dầu Điện Biên, phía bên kia hết đất số nhà 68 (bao gồm cả đoạn rẽ lên khu nhà ở Tân Thanh)	8.890	4.452	2.671	
37.2	- Đoạn tiếp giáp đất Công ty Xăng dầu Điện Biên đến tiếp giáp đất Trung đoàn 82	4.389	2.261	1.330	
38	Đường Nguyễn Bá Lạc				
38.1	- Đoạn đường 27 m tiếp giáp đường Trường Chinh đến tiếp giáp đường 13 m	8.890	4.452		
38.2	- Đoạn đường 13 m: nối tiếp đường 27 m (công sau Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Điện Biên) đến ngã tư tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh	5.250	2.626	1.609	
39	Đường Phan Tư				
39.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Lê Trọng Tấn (chân dốc Ta Pô) đến công phụ Trung tâm Thương mại Him Lam PLAZA, đối diện bên kia hết đất số nhà 37D	8.890	4.469		
39.2	- Đoạn từ công phụ Trung tâm Thương mại Him Lam PLAZA, đối diện bên kia tiếp giáp đất số nhà 37D đến tiếp giáp khu quy hoạch tổng mặt bằng khu vui chơi giải trí ven sông Nậm Rốm (Huy Toàn)	4.606	2.344		
40	Đường Nguyễn Phú Xuyên Khung: từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp Nguyễn Văn Bạch	8.890	4.446		
41	Đường Nguyễn Văn Bạch: từ ngã ba tiếp giáp đường Phan Đình Giót đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất	8.890	4.446		
42	Đường Tạ Quốc Luật				
42.1	- Đoạn từ tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã tư tiếp giáp đường 28 m khu Tái định cư số 3 (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	5.292	2.733	1.537	
42.2	- Ngã tư tiếp giáp đường 28 m đến ngã ba rẽ vào UBND xã Thanh Hưng (cũ)	3.581	2.142	1.208	
43	Đường Hoàng Đăng Vinh				
43.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Tạ Quốc Luật (Sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ) đến ngã ba tiếp giáp khu Tái định cư số III (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	4.599	2.301	1.332	
43.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường 13,5m (thửa 01 lô TDC20) đến hết thửa 07 lô TDC28- khu Tái định cư số III (Cảng hàng không Điện Biên Phủ)	5.292			
44	Đường Dương Quảng Châu				
44.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Quyết Tiến đến ngã ba tiếp giáp đất Trụ sở Liên minh Hợp tác xã	4.599	2.301	1.332	
44.2	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đất Trụ sở Liên minh Hợp tác xã đến ngã tư tiếp giáp đường 13,5 m Khu tái định cư mở rộng	5.250	2.631	1.629	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
44.3	- Từ ngã tư tiếp giáp đất Trường Cao đẳng Điện Biên (cơ sở 1) đến ngã ba tiếp giáp đường bê tông 13,5 m Khu tái định cư C13	4.084			
44.4	- Từ ngã ba tiếp giáp đường bê tông 13,5 m Khu tái định cư C13 đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	5.292			
45	Đường Hoàng Khắc Dược				
45.1	- Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến cổng Trường mầm non Thanh Trường (đối diện hết đất SN 16)	4.200	2.100	1.225	
45.2	- Đoạn tiếp giáp cổng Trường mầm non Thanh Trường (đối diện tiếp giáp đất SN 16) đến cầu máng C8	3.815	2.022	1.124	
46	Đường Nguyễn Văn Thuận: Từ ngã ba tiếp giáp đường Quyết Tiến đến ngã ba tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	4.599	2.301	1.332	
47	Đường Quyết Tiến: Ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ đến tiếp giáp Khu vui chơi Đầm Sen (đất thuê của Công ty Phương Uyên)	8.890	4.444	2.705	
48	Đường Lộc Văn Trọng: Từ ngã ba tiếp giáp đường Bế Văn Đàn đến ngã ba tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	4.599	2.301	1.332	
49	Các đường còn lại tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp				
49.1	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	8.960	4.486	2.741	
49.2	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	6.034	3.013	1.883	
49.3	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.034	3.011	1.840	
49.4	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đối diện bên kia đường hết đất số nhà 768 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	
49.5	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.034	3.011	1.840	
49.6	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.638	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
49.7	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602	
49.8	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hòa Bình (rẽ vào trụ sở Thanh Tra tỉnh cơ sở 2), đến ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh, đối diện bên kia đường đến hết SN 650 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	
49.9	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602	
49.10	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
49.11	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
49.12	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Trường Chinh đối diện bên kia đường tiếp giáp đất SN 650 đến đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường hết đất SN 471 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	
49.13	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	8.890	4.448	2.718	
49.14	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	6.034	3.013	1.883	
49.15	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	6.034	3.013	1.883	
49.16	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh đến hết cầu trắng là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
49.17	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602	
49.18	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
49.19	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
49.20	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ ngã ba rẽ vào đường Hoàng Cầm, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất SN 471 đến hết cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường hết đất số nhà 144 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	
49.21	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602	
49.22	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
49.23	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
49.24	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ Cây xăng số 1, đối diện sang bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 144 đến hết ký túc xá Lào, phía bên kia đường hết đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	
49.25	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 cổng trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
49.26	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	
49.27	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.200	2.104	1.286	
49.28	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ ký túc xá Lào, phía bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 26 công trường Cao đẳng Điện Biên đến đầu cầu Huổi Phạ (ngã ba rẽ vào đường Đỗ Nhuận) là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	3.500	1.747	1.092	
50	Đường nối từ đường Sùng Phái Sinh đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Đường đi nghĩa trang Hòa Bình)				
50.1	- Đoạn tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh đến hết đất số nhà 164, đối diện bên kia là đường đi lên trạm thông tin (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	5.250	2.625	1.575	
50.2	- Đoạn tiếp giáp đất số nhà 164 đối diện bên kia đường là đường đi lên trạm thông tin đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (thuộc địa phận phường Điện Biên Phủ)	5.040	2.520	1.470	
51	Các đường còn lại trong các tổ dân phố				
51.1	- Các đường có khổ rộng 10 m tiếp giáp đường Trần Đăng Ninh	8.890	4.445		
51.2	- Các đường có khổ rộng 10 m tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Thanh Bình (cũ)	5.250	2.625	1.575	
51.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	6.034	3.011	1.833	
51.4	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	5.250	2.631	1.629	
51.5	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	4.599	2.301	1.332	
51.6	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	4.200	2.100	1.260	
51.7	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	3.409	1.781	1.039	
51.8	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	2.988	1.493	830	
51.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	3.549	1.772	1.034	
51.10	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	3.885	1.940	1.109	
51.11	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	4.235	2.118	1.246	
51.12	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7m	2.184	1.147	626	
51.13	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5m	2.002	1.002	623	
51.14	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	1.792	897	512	
52	Các đường còn lại trong các bản				
52.1	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	4.224	2.107	1.283	
52.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	3.675	1.842	1.140	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
52.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	3.219	1.611	932	
52.4	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	3.108	1.554	932	
52.5	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	2.380	1.243	725	
52.6	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	1.865	932	518	
52.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	2.485	1.241	724	
52.8	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	2.720	1.358	776	
52.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	2.965	1.483	872	
52.10	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	1.764	924	504	
52.11	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	1.344	672	420	
52.12	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	1.176	588	336	
53	Đường vành đai 3 (Asean): Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ	1.260	630	420	
54	Đường cạnh Nhà thi đấu đa năng tỉnh Điện Biên: Đoạn đường 24,5 m	8.582	4.334		
55	Đường tiếp giáp với đường Đỗ Nhuận	2.274	1.137	650	
56	Khu Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại Phường Điện Biên Phủ (Khu Vincom)				
56.1	Đường Võ Nguyên Giáp	28.000			
56.2	Đường Roman Lazarovic Karmen (Đường cạnh Quảng trường 7/5)	19.600			
56.3	Đường Kostas Sarantidis- Nguyễn Văn Lập (Đường khổ rộng 13m và Đoạn từ ngã ba đường Phan Đình Giót đến ngã ba Đường Roman Lazarovic Karmen)	12.600			
56.4	Đường khổ rộng 10m	11.200			
57	Các tuyến đường mới đặt tên theo Nghị Quyết số 255/NQ-HĐND ngày 13/8/2025 và số 232/NQ-HĐND ngày 13/2/2025 của HĐND tỉnh Điện Biên				
57.1	Đường Nguyễn Thành (Đường có mặt cắt 10,5m): Từ giáp đường Trần Văn Thọ đến tiếp giáp đôi Him Lam	5.250	2.667		
57.2	Đường Lê Huy Toàn (Đường có mặt cắt 11,5m)				
57.2.1	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	8.890	4.449		
57.2.2	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến điểm cuối tiếp giáp đường quy hoạch	5.250	2.631		
57.3	Đường Henri Martin				
57.3.1	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (10,5m)	8.890	4.449		
57.3.2	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến điểm cuối tiếp giáp đường quy hoạch (7m)	4.599	2.301		
57.4	Đường Raymonde Dien (Đường có mặt cắt 7m-10m): Từ tiếp giáp đường dạo ven sông sau khách sạn Nậm Rốm tiếp giáp phía sau khách sạn Nậm Rốm đến tiếp giáp đường Bế Văn Đàn cạnh chợ Mường Thanh	4.599	2.301	1.332	969
57.5	Đường Verner Schulze - Nguyễn Đức Việt				
57.5.1	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên) đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (10m)	8.890	4.449		

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
57.5.2	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (cạnh bưu điện tỉnh Điện Biên) đến ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (10m)	8.890	4.449		
57.5.3	Đoạn còn lại	4.599	2.301		
58	Đường Lia 1: Đoạn từ đầu cầu BTCT đến hết đất trường THCS Thanh Minh	2.274	1.137	650	
59	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở UBND xã Tà Lèng (cũ)	2.598	1.786	1.299	
60	Đường du lịch Tà Lèng - Mường Phăng				
60.1	Đoạn từ tiếp giáp đất trụ sở Trung tâm chính trị phường Điện Biên phủ đến hết đất vườn ươm cây giống Mắc ca	826	578	413	
60.2	Đoạn từ tiếp giáp đất vườn ươm cây giống Mắc ca đến hết địa phận bản Kê Nênh	711	502	334	
60.3	Đoạn từ giáp địa phận bản Kê Nênh đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ	609	406	325	
61	Đường Vành đai 3 ASEAN: Đoạn tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ	974	487	325	
62	Trung tâm xã Thanh Minh (cũ)				
62.1	Các đường bê tông thuộc tổ 1, 2	731	487	325	
62.2	Các đường đất còn lại thuộc tổ 1, 2	568	406	244	
63	Các đường còn lại thuộc các bản: Phiêng Lơi, Púng Tôm, Co Cù, Nà Lơi, Tà Lèng, Kê Nênh, Cùm Loọng Hòm	487	325	244	
64	Các đường còn lại thuộc các bản: Pa Pôm, Tân Quang, Huổi Lơi, Nà Nghè	325	244	162	

2. PHƯỜNG MƯỜNG THANH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Đường Võ Nguyên Giáp				
1.1	- Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35	15.393	7.714		
1.2	- Đoạn còn lại đến cầu bản Ten	11.200	5.586		
2	Đường Hoàng Công Chất				
2.1	- Đoạn từ ngã ba đường Tổ Hữu (hết địa phận phường Mường Thanh cũ). Đối diện hết đất số nhà 237 đến ngã tư đường Hoàng Văn Nô (công Bệnh viện Đa khoa tỉnh)	6.839	3.465	2.100	
2.2	- Đoạn từ ngã tư đường Hoàng Văn Nô (công Bệnh viện Đa khoa tỉnh) đến hết đất Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên	5.285	2.643		
3	Đường Lê Thái Tô				
3.1	Đoạn nối từ đường ASEAN đến ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu	5.992			
3.2	- Đường có khổ rộng 20,5m - Khu TĐC Thủy điện Sơn La	6.041			
3.3	- Đoạn nối tiếp khu TĐC Thủy điện Sơn La đến ngã tư giao nhau với đường Tôn Đức Thắng	6.027	3.021	1.859	
3.4	- Đoạn từ ngã tư giao nhau đường Tôn Đức Thắng đến ngã tư tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	4.704	2.352	1.411	
4	Đường Tôn Đức Thắng				
4.1	- Đoạn từ ngã ba suối Hồng Liu đến ngã tư tiếp giáp đường Lê Thái Tô	5.691	2.839	1.747	
4.2	- Đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường Lê Thái Tô đến tiếp giáp đường Tổ Hữu	5.691	2.839	1.747	
5	Đường Tổ Hữu: đoạn tiếp giáp đường Hoàng Công Chất, cạnh trụ sở Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường đến tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	6.034			
6	Đường Nguyễn Trãi				
6.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp đến cầu Bê tông thứ nhất	6.055	3.038		
6.2	- Đoạn từ cầu Bê tông thứ nhất đến bờ mương (tiếp giáp đường Lê Thái Tô)	3.486	1.750	1.050	
7	Đường Hoàng Đạo Thúy: Điểm đầu tiếp giáp đường 7 tháng 5 cạnh Hồ điều hòa, bản Phiêng Bua; điểm cuối tiếp giáp ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu	6.034			
8	Đường Mường Then: Đoạn từ giáp địa phận phường Điện Biên Phủ đến ngã ba tiếp giáp đường Lưu Viết Thoảng (trừ đoạn đường thuộc Khu dân cư Nam Thanh)	8.400	4.248	2.526	
9	Đường Lưu Viết Thoảng				
9.1	- Đoạn từ ngã ba đường Võ Nguyên Giáp cạnh cây xăng C4 đến đầu cầu C4	8.400	4.190	2.514	
9.2	- Đoạn từ cầu C4 đến ngã tư C4 tiếp giáp xã Thanh Nưa	3.234	1.940	1.078	
10	Đường Hoàng Văn Nô				
10.1	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (công Bệnh viện tỉnh) đến hết đất trụ sở Thuế tỉnh Điện Biên (Tiếp giáp đường 7/5)	6.020	3.007	1.754	
10.2	- Đoạn từ tiếp giáp đường 7/5 đến ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	6.272	3.133	1.880	
10.3	- Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Đỗ Nhuận đến ngã ba rẽ vào bản Tà Lèng (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	6.020	3.007	1.754	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
10.4	- Đoạn từ ngã 3 rẽ vào bản Tà Lèng đến hết đất trụ sở Trung tâm Chính trị phường Điện Biên Phủ (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	4.032	2.772	2.016	
11	Đường Bùi Đình Cư: Ngã ba tiếp giáp đường Nguyễn Văn Ty (cạnh Trường Tiểu học Noong Bua) đến ngã ba tiếp giáp đường Trịnh Văn Huyền	4.613			
12	Đường Nguyễn Ngọc Bảo				
12.1	- Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến bùng binh cạnh Chi cục phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (có khổ rộng 36 m)	6.832			
12.2	- Đoạn tiếp giáp bùng binh cạnh Chi cục phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường đến ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu (có khổ rộng 22,5 m)	6.034			
13	Đường Trịnh Văn Huyền: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Đạo Thúy	5.999			
14	Đường Trần Văn Cam: Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất đến ngã ba tiếp giáp đường Trịnh Văn Huyền	4.613			
15	Đường Đặng Đình Hồ				
15.1	Đoạn từ ngã ba đường đi bản Hồng Lú đến ngã tư tiếp giáp đường Chu Văn Khâm	6.034			
15.2	Đoạn từ ngã tư tiếp giáp đường Chu Văn Khâm đến giáp bệnh viện Lao Điện Biên	5.040			
16	Đường Trần Đình Hùng: Từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất thửa 12 (đối diện bên kia đường là thửa 19) tờ bản đồ số 41	5.292			
17	Đường Lâm Việt Hữu: Từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất thửa 29 (đối diện bên kia đường là thửa 38) tờ bản đồ số 41	5.292			
18	Đường Chu Văn Khâm: từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất nhà văn hóa phố 1 (đối diện bên kia đường là thửa 54) tờ bản đồ số 41	5.292			
19	Đường Nguyễn Văn Ty: Từ ngã ba tiếp giáp đường Tổ Hữu đến hết đất thửa 33 (đối diện bên kia đường là thửa 65) tờ bản đồ 22	5.999			
20	Các đường còn lại tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp				
20.1	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602	
20.2	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
20.3	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
20.4	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7 m thuộc Đoạn từ cầu trắng đến đường vào trụ sở công ty Khoáng sản, đối diện bên kia đường đến hết số nhà 35 là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2106	1316	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
20.5	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7 m trở lên thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (100 m đầu, tính trọn thửa)	5.250	2.621	1.602	
20.6	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng từ 7m trở lên thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
20.7	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (100m đầu, tính trọn thửa)	4.599	2.306	1.409	
20.8	- Các đường tiếp giáp với đường Võ Nguyên Giáp vào các khu dân cư có khổ rộng < 7m thuộc Đoạn còn lại đến cầu bản Ten là đường nhựa hoặc bê tông (từ mét thứ 101 trở đi, tính trọn thửa)	4.200	2.106	1.316	
21	Đường nối từ đường Sùng Phái Sinh đến ngã tư tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (Đường đi nghĩa trang Hòa Bình)				
21.1	- Đoạn tiếp giáp đường Sùng Phái Sinh đến hết đất số nhà 164, đối diện bên kia là đường đi lên trạm thông tin (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	5.250	2625	1575	
21.2	- Đoạn tiếp giáp đất số nhà 164 đối diện bên kia đường là đường đi lên trạm thông tin đến ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Công Chất (thuộc địa phận phường Mường Thanh)	5.040	2520	1470	
22	Các đường còn lại trong các tổ dân phố (phường Noong Bua cũ, phường Nam Thanh cũ)				
22.1	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	6.034	3.011	1.833	
22.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	5.250	2.631	1.629	
22.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	4.599	2.301	1.332	
22.4	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	4.200	2.100	1.260	
22.5	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	3.409	1.781	1.039	
22.6	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	2.988	1.493	830	
22.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	3.549	1.772	1.034	
22.8	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	3.885	1.940	1.109	
22.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	4.235	2.118	1.246	
22.10	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	2.184	1.147	626	
22.11	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	2.002	1.002	623	
22.12	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	1.792	897	512	
23	Các đường còn lại trong các bản (phường Noong Bua cũ, phường Nam Thanh cũ)				
23.1	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường nhựa, bê tông	4.224	2.107	1.283	
23.2	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường nhựa, bê tông	3.675	1.842	1.140	
23.3	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường nhựa, bê tông	3.219	1.611	932	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
23.4	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	3.108	1.554	932	
23.5	- Các đường nhựa, bê tông có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	2.380	1.243	725	
23.6	- Các đường nhựa, bê tông còn lại dưới 3 m	1.865	932	518	
23.7	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 7 m đến dưới 11,5 m là đường đất, cấp phối	2.485	1.241	724	
23.8	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 11,5 m đến dưới 15 m là đường đất, cấp phối	2.720	1.358	776	
23.9	- Các đường trong khu dân cư có khổ rộng 15 m trở lên là đường đất, cấp phối	2.965	1.483	872	
23.10	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	1.764	924	504	
23.11	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5 m	1.344	672	420	
23.12	- Các đường đất còn lại dưới 3 m	1.176	588	336	
24	Đường vành đai 3 (Asean): Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận phường Mường Thanh	1.260	630	420	
25	Đường Bát - na: Đoạn giáp đường Hoàng Văn Nô đến giáp đường 7 tháng 5 (nhà khách tỉnh Điện Biên)	5.040			
26	Khu vực Trung tâm phường Mường Thanh				
26.1	Đoạn từ Huyện đội Điện Biên đến hết đất của Công an huyện (đường nhựa)	1.117			
26.2	Đường nội bộ 29,5m	1.117			
26.3	Đường nội bộ 22,5m	986			
26.4	Đường nội bộ 13,5m	886			
26.5	Đường nội bộ 11,5m	732			
26.6	Đường nội bộ 10,5m	693			
26.7	Đường nội bộ 7,5m	616			
26.8	Đường nội bộ 5,5m	588			
27	Khu vực Xã Thanh Xương cũ				
27.1	Đường Hữu Mai: Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến tiếp giáp đường vào trung tâm phường Mường Thanh	7.350	3.885	2.720	
27.2	Đường Phạm Văn Cường: Tiếp giáp đường Hữu Mai (Đường vào trung tâm phường Mường Thanh) đến tiếp giáp ngã tư cạnh cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang về phía đông đến hết thửa đất số 161 tờ bản đồ 361-a (trừ đoạn thuộc Khu đất 03 cơ quan (Trạm Bảo vệ thực vật huyện, Trạm thú y huyện, Cục Thuế tỉnh) .	6.160	3.696	2.464	
27.3	QL 279: Đoạn từ tiếp giáp cây xăng của Công ty TNHH TM và XD Nam Linh Trang, về phía đông giáp thửa đất số 191 tờ bản đồ số 361-a đến ranh giới giáp xã Thanh An cũ.	2.310	616	347	
27.4	Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Từ): Đoạn tiếp giáp phường Điện Biên Phủ đến ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10.	2.695	1.425	732	
27.5	Đường vành đai 2 (Noong Bua - Pú Từ): Đoạn tiếp giáp từ ngã tư đường rẽ vào đội 2, đội 10 đến giáp trường tiểu học số 1 Thanh Xương.	2.338	1.169	701	
27.6	Đường đi UBND phường Mường Thanh: Đoạn từ tiếp giáp vị trí 3 QL 279 qua ngã ba Huổi Hốc đi đội 7 đến Kênh thủy nông; qua đội 11 đến Kênh thủy nông.	1.232	616	370	
27.7	Đường bê tông vào Trung tâm huyện (trừ vị trí 1,2,3 đường vành đai 2) đoạn từ nhà ông Lê đến giáp bờ mương	616	424	246	
27.8	Đường bê tông vào Trung tâm huyện đoạn từ hết đất nhà ông Yên đến giáp khu Trung tâm huyện lý mới	539	323	216	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
27.9	Các đường liên thôn, nội thôn, ngõ Khu vực bản Ten, bản Pá Luống, Đội C17; bản Bom La; bản Noong Nhai và Đội 18 (trừ các vị trí 1, 2, 3 QL279)	501	270	216	
27.10	Đường phía Đông: Đoạn từ giáp xã Thanh An cũ đến hết ranh giới phường Điện Biên Phủ	770	493	347	
27.11	Các trục đường giao thông liên thôn, nội thôn bản, ngõ (xã Thanh Xương cũ)				
27.11.1	Đường có chiều rộng từ 7 m trở lên	413	289	207	
27.11.2	Đường có chiều rộng từ 3 m đến dưới 7 m	358	240	179	
27.11.3	Đường có chiều rộng dưới 3 m	280	179	126	
27.11.4	Các vị trí còn lại trong xã	92	77	69	
27.12	Đoạn từ đường vành đai 2 đến Trung tâm huyện lỵ Pú Từ (tuyến đường mở mới vào trung tâm huyện lỵ Pú Từ, trừ vị trí 1, 2, 3 đường vành đai 2)	1.876	940	564	
28	Khu dân cư mới Bom La				
28.1	Đường nội bộ 25m (Các lô LK1+LK2+LK5)	5.026			
28.2	Đường nội bộ 25m (Các lô LK3+LK4)	4.356			
28.3	Đường nội bộ 20,5m (Các lô LK13+LK14)	4.044			
28.4	Đường nội bộ 15m (Lô LK1)	3.638			
28.5	Đường nội bộ 15m (Lô LK13)	2.863			
28.6	Đường nội bộ 15m (Lô BT11+BT12)	2.632			
28.7	Đường nội bộ 13m (Lô 3+LK15+LK16+LK17+LK18+LK19+LK21)	2.506			
28.8	Đường nội bộ 13m (Lô BT11+LK16)	2.436			
28.9	Đường nội bộ 11m (Các lô LK4+LK5+LK6+LK7+LK14+LK15)	2.341			

3. PHƯỜNG MƯỜNG LAY

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Trục đường Tỉnh lộ 142.				
1.1	Đoạn từ giáp thửa số 56 tờ bản đồ số 7 (Từ nút giao với ngõ 285 hết bản Na Ka) đến đầu cầu Tạo Sen.	508	431	304	
1.2	Đoạn từ đầu cầu Tạo Sen hết địa phận phường Mường Lay.	462	377	262	
1.3	Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ đầu cầu Nam Nậm Cản đến hết thửa đất số 56 tờ bản đồ số 7 (nút giao với ngõ 285 hết bản Na Ka)	616			
2	Trục đường Quốc lộ 12.				
2.1	Đoạn từ điểm giao địa phận phường Na Lay đến nam Cầu Huổi Hái.	508	323	270	
2.2	Đoạn từ nam cầu Huổi Hái đến nam Huổi Phán	454	377	250	
2.3	Đoạn từ nam cầu Huổi Phán đến hết địa phận phường Mường Lay	347	331	239	
3	Đường giao thông nội bộ khu TĐC Bản Bắc 1, Bắc 2, Bản Ó, Bản Na Ka.				
3.1	Đường Khoàng Văn Tám: Đoạn từ nút giao với Đường Lò Văn Hặc đến ngã ba giao nhau với Đường 12 Tháng 12 và Đường Lò Văn Hặc	508			
3.2	Đường Lò Văn Hặc: Đoạn từ nút giao với đường Quốc lộ 12 đến ngã ba giao nhau với Đường 12 Tháng 12 và Đường Khoàng Văn Tám	508			
3.3	Đường N8A: Đoạn từ nút giao Đường Lò Văn Hặc về phía bắc đến nút giao với Đường Lò Văn Hặc (cạnh khe huổi Bắc).	443			
3.4	Đường NC14: Đoạn từ nút giao với Tỉnh Lộ 142 đến nút giao với đường NC12.	593			
3.5	Ngõ 285 đường Võ Nguyên Giáp	508			
4	Các bản vùng cao: Bản Hồ Huổi Luông, Bản Hồ Nậm Cản, Bản Huổi Luân	50			
5	Các đường nội bản vùng thấp				
	- Đường nhựa	308			
	- Các trục đường bê tông nội bản	270			
	- Các trục đường đất nội bản	154			
6	Đường Lê Thái Tổ thuộc phường Sông Đà cũ				
6.1	Đoạn từ cầu C3 (Tổ 3, phường Na Lay cũ) đến nút giao đất khách sạn Thanh Bình.	616			
6.2	Đoạn từ đất khách sạn Thanh Bình đến ngã tư giao nhau với đường ĐC 11, ngõ 7 đường Lê Thái Tổ (Hết thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 đối diện là cửa hàng xăng dầu Doanh nghiệp Phúc Lợi)	743			
6.3	Đoạn từ ngã tư giao nhau với đường ĐC 11, ngõ 7 đường Lê Thái Tổ (Hết thửa đất số 20 tờ bản đồ số 24 đối diện là cửa hàng xăng dầu Doanh nghiệp Phúc Lợi) đến nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một chiều lên đài phun nước phường Sông Đà cũ)	970			
6.4	Đoạn từ nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một chiều lên đài phun nước phường Sông Đà) đi về phía tây hết thửa đất số 07 tờ bản đồ số 19 (Đất ban chỉ huy quân sự thị xã)	939			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
6.5	Đoạn từ nút giao thừa số 07 tờ bản đồ số 19 (Đất ban chỉ huy quân sự thị xã) đến hết nhà máy gạch Tuynel.	497			
6.6	Đoạn từ nhà máy gạch Tuynel đến ranh giới bản Huổi Min	347			
7	Đường giao thông khu Tổ 7 - Tổ 10 thuộc phường Sông Đà cũ				
7.1	Đường Nguyễn Bá Lạc (hai bên đường đoạn từ đường Lê Thái Tổ lên đến đài phun nước)	832			
7.2	Đường 17 Tháng 12 (đoạn từ nút giao với đường Lê Thái Tổ về phía tây lên đến đài phun nước).	743			
7.3	Đường 17 Tháng 12 (đoạn từ đài phun nước đến phía đông đường Lê Thái Tổ hết đất trạm viễn thông).	1.023			
7.4	Đường ĐC3 đoạn vòng cung Ngõ 281 đường Nguyễn Bá Lạc (từ đất trường tiểu học Đồi Cao đối diện đất BCH Quân sự thị xã) đến nút giao với Ngõ 7 đường Lê Thái Tổ (hết thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21).	678			
7.5	Ngõ 167 đường Nguyễn Bá Lạc (từ đất chi cục Thống Kê chạy vòng cung hết Ngõ 12 Đường 17 tháng 12 (hết thửa đất Viễn thông thửa 78, tờ bản đồ 21).	894			
7.6	Ngõ 357 đường Nguyễn Bá Lạc (từ đất nhà ông Nguyễn Huy Thông thửa 209, tờ bản đồ 17) chạy vòng cung đến hết Ngõ 241 Đường 17 Tháng 12 (thửa đất số 48, tờ bản đồ 21).	853			
7.7	Đường Chiến Thắng từ nút giao với đường ĐC8 đến nút giao đường Lê Thái Tổ (hết thửa số 104 tờ bản đồ số 21 hộ ông Bùi Long Thành đối diện chợ Đồi Cao);	743			
7.8	Đường Chiến Thắng đoạn từ nút giao phía bắc quảng trường vòng cung đến nút giao ngõ 281 đường Nguyễn Bá Lạc	743			
7.9	Đường Chiến Thắng đoạn từ nút giao phía tây quảng trường vòng cung đến nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một Chiều)	743			
7.10	Đường Chiến Thắng đoạn từ nút giao phía Nam quảng trường vòng cung đến nút giao đường Nguyễn Bá Lạc (Đường một chiều)	743			
7.11	Ngõ 7 đường Lê Thái Tổ đoạn từ nút giao với đường Chiến Thắng (Từ đất bà Phạm Thị Oanh thửa số 100, tờ bản đồ 21) đến nút giao đường Lê Thái Tổ (hết đất cây xăng Doanh nghiệp Phúc Lợi thửa số 07, tờ bản đồ 24).	670			
7.12	Đường ĐC11 đoạn từ nút giao Đường Lê Thái Tổ, đi theo hướng về phía bắc quanh Trung tâm dịch vụ cảng đường ven hồ, trở lại phía tây Đường Lê Thái Tổ, đối diện với Trạm xử lý nước thải;	743			
7.13	Đường ĐC18 đoạn từ phía tây Đường Lê Thái Tổ, giáp đất Ban chỉ huy quân sự thị xã, đi ngược về phía bắc nút giao đường ĐC7.	732			
7.14	Ngõ 72 Đường Lê Thái Tổ đoạn từ giáp Đường Lê Thái Tổ đến nút giao với Ngõ 281 đường Nguyễn Bá Lạc.	670			
7.15	Ngõ 31 đường Lê Thái Tổ đoạn từ giáp Đường Lê Thái Tổ đến nút giao với Ngõ 272 đường 17 Tháng 12.	670			
8	Khu Tổ 11 thuộc phường Sông Đà cũ				

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
8.1	Đường ĐC12: Đoạn từ ngã ba giáp đường ĐC16 (theo Đường Vừ A Dính) đến nút giao với đường Chiến Thắng, đối diện Trạm Y tế phường Sông Đà cũ (thửa số 8 tờ bản đồ số 20).	410			
8.2	Đường ĐC13: Đoạn từ Trạm Khí tượng (mới) đi ngược về phía nam qua đường Vừ A Dính đến nút giao với đường Đường Lê Thái Tổ.	410			
8.3	Đường ĐC14: Đoạn từ ngã ba giáp đường ĐC13 đi ngược về phía tây bắc qua Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX, trung tâm bồi dưỡng chính trị tới nút giao đường ĐC17	410			
8.4	Đường ĐC15: Đoạn từ nút giao đường ĐC21, (từ thửa số 23 từ bản đồ số 28) đến giao đường ĐC22 (hết thửa số 43 từ bản đồ số 31)	366			
8.5	Đường ĐC16: Đoạn từ nút giao đường ĐC14 ngược về phía nam qua đường ĐC12 đến giao nhau với đường ĐC22 (hết đất nhà ông Thiệu thửa số 8 tờ bản đồ số 32).	410			
8.6	Đường ĐC17: Đoạn từ nút giao từ đường ĐC14 đến ngã tư giao với đường ĐC12 và đường ĐC16 (đằng sau Trung tâm bồi dưỡng chính trị và trước cổng chính của Trung tâm GDNN-GDTX).	410			
8.7	Đường ĐC21: Đoạn từ nút giao đường ĐC22 đến nút giao đường ĐC12.	410			
8.8	Đường ĐC22: Đoạn từ nút giao đường ĐC21 đến hết đất phía sau thửa số 02 tờ bản đồ số 32 (hộ ông Điều Văn Chiếng)	366			
9	Trục đường Quốc lộ 12 thuộc phường Sông Đà cũ				
1	Đoạn từ đầu cầu Hang Tôm đến đầu cầu Bản Xá	570			
10	Bản Vùng Cao thuộc phường Sông Đà cũ				
	Bản Huổi Min	86			
11	Khu Tổ 3 đến giáp bản Na Nát thuộc phường Na Lay cũ				
11.1	Đường Võ Nguyên Giáp				
11.1.1	Đoạn từ phía nam cầu C3 (tổ 3 phường Na Lay cũ) đi về hướng nam đường một chiều tới nút giao với Ngõ 42 Đường Võ Nguyên Giáp, giáp nhà bà: Lò Thị Nguyên (thửa đất số 64 tờ bản đồ số 22).	1.063			
11.1.2	Đoạn từ đất nhà bà: Lò Thị Nguyên (thửa số 64 tờ bản đồ số 22), đi về phía nam tới hết đất nhà ông Điều Văn Hận (thửa số 13 tờ bản đồ số 34 thuộc bản Chi Luông).	1.001			
12	Đường giao thông nội bộ				
12.1	Đường CL1: Đoạn từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Sùng Phái Sinh (Đối diện Trung tâm hội nghị)	755			
12.2	Đường Sùng Phái Sinh:				
12.2.1	Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ nút giao Ngõ 42 đường Võ Nguyên Giáp (từ nhà ông Điều Văn Khịn thửa số 62 tờ bản đồ số 22) đi qua Ngõ 62 đường Võ Nguyên Giáp, đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp;	516			
12.2.2	Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ nút giao Ngõ 42 đường Võ Nguyên Giáp (từ đất Bưu điện Chi Luông) đến nút giao với đường CL13A (hết đất giáp nhà khách UBND thị xã).	516			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
12.2.3	Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ đất nhà bà Trần Thị Hương (thửa số 89 tờ bản đồ 12 đối diện đất ông Lò Văn Ốp thửa số 88 tờ bản đồ 12) đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp.	755			
12.3	Đoạn từ Ngõ 36 đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất sân vận động thị xã	516			
12.4	Đường CL4: Từ nút giao với đường Tông Văn Kim đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp trước khu vực quảng trường trung tâm.	701			
12.5	Đường CL4A: Đoạn đường giáp đất Bảo tàng và Quảng Trường	604			
12.6	Đoạn từ Ngõ 196 Đường Sùng Phái Sinh, qua đường Sùng Phái Sinh, đường Đường Võ Nguyên Giáp, Ngõ 77 đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tông Văn Kim.	533			
12.7	Ngõ 192 Đường Sùng Phái Sinh	485			
12.8	Ngõ 188 Đường Sùng Phái Sinh	485			
12.9	Ngõ 26D đường Võ Nguyên Giáp giao nút đường Sùng Phái Sinh đến đường một chiều đường Võ Nguyên Giáp	516			
12.10	Ngõ 178 đường Sùng Phái Sinh (từ nhà sinh hoạt cộng đồng Bản Nghé Toong) đến nút giao với đường Tông Văn Kim (hết đất nhà ông Chu Văn Toàn thửa số 01 tờ bản đồ 26);	570			
13	Đường Tông Văn Kim				
13.1	Đoạn từ Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp đi theo Ngách 67 Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tông Văn Kim (hết đất nhà ông Điều Chính Khon thửa số 8 tờ bản đồ 30 thuộc bản Chi Luông).	516			
13.2	Đường Tông Văn Kim: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Duyên (thửa số 8 tờ bản đồ 30 bản Chi Luông) đến nút giao Ngõ 131 đường Võ Nguyên Giáp (hết đất nhà ông Chui Văn Kịch thửa số 10 tờ bản đồ 34 bản Chi Luông).	554			
14	Đường CL13				
14.1	Đường Tông Văn Kim nút giao ngách 67 ngõ 51 đường Võ Nguyên Giáp (ông Điều Chính Khon thửa số 8 tờ bản đồ 30 thuộc bản Chi Luông) để nút giao Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp	570			
14.2	Từ nút giao Ngõ 51 Đường Võ Nguyên Giáp đến đường Tông Văn Kim nút giao ngõ 21 đường Tông Văn Kim	508			
14.3	Đường CL13A giáp nhà khách UBND thị xã từ nút giao với Ngõ 42 đường Sùng Phái Sinh đến đường Sùng Phái Sinh	601			
14.4	Ngõ 42 Đường Sùng Phái Sinh: Đoạn từ nút giao với đường CL13A giáp nhà khách UBND thị xã đến nút giao với đường Sùng Phái Sinh (hết thửa số 2, tờ bản đồ số 8 hộ ông Lưu Đức Tuấn).	604			
14.5	Ngõ 101 Đường Sùng Phái Sinh: Từ nút giao đường CL13A vị trí đất nhà bà Vi Kim Hòa (thửa số 86 tờ bản đồ 12) đến nút giao đường Sùng Phái Sinh (hết đất thửa số 49 tờ bản đồ số 9)	604			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
14.6	Đường CL15: Đoạn từ đất nhà bà Phạm Thị Nhung (thửa số 94 tờ bản đồ 12 đối diện bên kia đường là đất trụ sở Ban QLDA thị xã) đến nút giao Ngõ 1 Đường Võ Nguyên Giáp (hết đất thửa số 9 tờ bản đồ số 9 nhà bà Lương Thị Hương)	604			
14.7	Đoạn nút giao từ Ngõ 42 Đường Sùng Phái Sinh vào Ngõ 68 Đường Sùng Phái Sinh đến hết ngõ 77 Đường Sùng Phái Sinh.	604			
14.8	Ngõ 01 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn nút giao từ Ngõ 101 Đường Sùng Phái Sinh đến nút giao đường Võ Nguyên Giáp	604			
14.9	Ngõ 01 đường Tông Văn Kim: Đoạn từ nút giao với Ngõ 49 đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tông Văn Kim	516			
14.10	Ngõ 21 đường Tông Văn Kim: Đoạn từ nút giao với Ngõ 49 đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tông Văn Kim	516			
14.11	Ngõ 49 đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Tông Văn Kim (Trạm xử lý nước thải).	516			
14.12	Ngách 28 Ngõ 26 Đường Võ Nguyên Giáp	516			
14.13	Đường bê tông 3m: Đoạn từ nút giao với đường Tông Văn Kim đến hết thửa số 5, tờ bản đồ số 34 hộ ông Chui Văn Chăm	485			
14.14	Đường bê tông 3m: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Chương đến hết đất nhà bà Lò Thị Sơn (thửa số 59 tờ bản đồ 22)	485			
14.15	Đường bê tông 3m: Đoạn từ đất nhà bà Lò Thị Thâm (thửa số 76 tờ bản đồ 22) đến nút giao với đường CL9 (hết đất thửa số 7 tờ bản đồ 21)	485			
14.16	Ngõ 110 đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường mới 2;	485			
14.17	Ngõ 74: Đoạn từ nút giao đường đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Sùng Phái Sinh;	534			
15	Khu bản Nậm Cản đến bản Na Nát thuộc phường Na Lay cũ				
15.1	Đường Võ Nguyên Giáp				
15.1.1	Đoạn từ đất nhà ông Điều Văn Hận bản Chi Luông (thửa số 13 tờ bản đồ 34) đến ngã 3 giao nhau giữa đường Võ Nguyên Giáp và đường Chu Văn An (thửa số 01 tờ bản đồ 46)	1.232			
15.1.2	Đoạn Võ Nguyên Giáp từ đất Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ 4 (thửa số 68 tờ bản đồ 42) đến hết Bưu cục bưu điện Nậm Cản (thửa số 34 tờ bản đồ 47).	1.925			
15.2	Đoạn Võ Nguyên Giáp từ Bưu điện Nậm Cản (thửa số 34 tờ bản đồ 47) đến hết đất nhà bà Lò Thị Ẩn (thửa số 176 tờ bản đồ 46).	1.386			
15.3	Đoạn Võ Nguyên Giáp nút giao từ đất nhà bà Lò Thị Ẩn (thửa số 176 tờ bản đồ 46) đến đầu cầu Nậm Cản.	755			
16	Đường giao thông nội bộ				
16.1	Đường Chu Văn An: Đoạn từ ngã ba nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường NC3;	733			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
16.2	Đường Chu Văn An: Đoạn từ đất nhà bà Lò Phương Thoa (thửa số 2 tờ bản đồ 46) đối diện đất Công an thị xã đến nút giao với Ngõ 270 đường Võ Nguyên Giáp hết đất nhà Xoan (Vĩnh) (thửa số 153 tờ bản đồ 46) đối diện hết đất trường THPT thị xã.	1.608			
16.3	Ngõ 198 đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ ngã ba nút giao với đường Chu Văn An đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp	624			
16.4	Ngách 63 Ngõ 197 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với Ngõ 198 đường Võ Nguyên Giáp giáp đất nhà ông Nguyễn Xuân Phương (thửa số 22 tờ bản đồ 46) đến nút giao với Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp giáp đất nhà bà Lò Thị Tuyết (thửa số 152 tờ bản đồ 46)	624			
16.5	Ngõ 196 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao đường Chu Văn An đến nút giao đường Võ Nguyên Giáp (hết đất Bưu Điện Nậm Cản).	624			
16.6	Ngách 02 Ngõ 195 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với Ngõ 195 Đường Võ Nguyên Giáp (từ đất nhà bà Trần Thị Nhị thửa số 56 tờ bản đồ 47) nút giao với Ngõ 257 Đường Võ Nguyên Giáp (hết đất nhà Văn hóa phường Na Lay cũ).	1.364			
16.7	Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao nhau với đường Chu Văn An đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp	624			
16.8	ngõ 257 đường võ nguyên giáp: Từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Phan Đình Giót.	624			
16.9	Ngõ 225 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Phan Đình Giót	624			
16.10	Ngõ 195 Đường Võ Nguyên Giáp từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến nút giao với đường Phan Đình Giót	624			
16.11	Đường NC13: Đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp đến ngã tư giao nhau với đường Chu Văn An, Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp;	431			
16.12	Ngõ 282 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp (từ đất UBND phường Na Lay cũ) đến hết đất nhà ông Lương Văn Phương (thửa số 48 tờ bản đồ 49).	431			
16.13	Đường Phan Đình Giót: Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Von (thửa số 56 tờ bản đồ 49) đến hết đất nhà ông Lò Văn Phìn (thửa số 4 tờ bản đồ 44);	485			
16.14	Đường NC17: Đoạn từ nút giao với đường Tỉnh lộ 142 vào suối Nậm Cản (đối diện đường NC16);	485			
16.15	Đường Chu Văn An: Đoạn từ nút giao với Ngõ 270 Đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất Nhà máy nước.	462			
16.16	Ngõ 275 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với ngõ 257 đường võ nguyên giáp (từ đất nhà bà Tòng Thị Bạ thửa số 91 tờ bản đồ 50) đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp.	431			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
16.17	Ngõ 234 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với đường Chu Văn An đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp	624			
16.18	Đường Phan Đình Giót đoạn từ nút giao với đường Võ Nguyên Giáp (đầu chợ Nậm Cản) đến nút giao với đường Võ Nguyên Giáp (đầu cầu Nậm Cản).	593			
17	Đường giao thông nội bộ điểm TĐC Na Nát thuộc phường Na Lay cũ				
17.1	Đường Tông Văn Kim				
17.1.1	Đường Tông Văn Kim: Đoạn từ nút giao đường Võ Nguyên Giáp (thửa số 64 TĐĐ 42) đến giao với Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp hết thửa số 29 TĐĐ số 42)	624			
17.1.2	Đường Tông Văn Kim: Đoạn từ giao với Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp (từ thửa số 18 TĐĐ số 42) đến nút giao đường CL1	562			
17.2	Ngõ 249 Đường Võ Nguyên Giáp	516			
17.3	Ngách 248 Ngõ 141 Đường Võ Nguyên Giáp: Đoạn từ nút giao với Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp (từ thửa số 25 tờ bản đồ 42) đến nút giao với Ngõ 141 Đường Võ Nguyên Giáp (hết thửa số 23 tờ bản đồ 33)	516			
17.4	Ngõ 160 Đường Võ Nguyên Giáp	516			
17.5	Ngõ 152 Đường Võ Nguyên Giáp	516			
17.6	Ngõ 138 Đường Võ Nguyên Giáp	516			
17.7	Ngõ 141 Đường Võ Nguyên Giáp	516			
17.8	Ngõ 131 Đường Võ Nguyên Giáp	516			
18	Khu vực bản Hóc đến Trung tâm y tế Mường Lay				
18.1	Đường Tô Vĩnh Diện				
18.1.1	Đường Tô Vĩnh Diện (Đoạn từ Cầu Bản Xá đến giáp đất Bến xe thị xã)	755			
18.1.2	Đường Tô Vĩnh Diện (Đoạn từ đất Bến xe thị xã đến hết địa phận phường Na Lay cũ)	1.155			
19	Đường giao thông đoạn Tổ 4 - Tổ 6				
19.1	Đường 12 Tháng 12				
19.2	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ ngã tư nút giao với đường CK11 đến nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà Tâm Xứng thửa số 155 tờ bản đồ 39)	2.296			
19.3	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ ngã tư nút giao với CK11 đến nút giao với Ngõ 164 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Năm thửa số 34 tờ bản đồ 51)	1.155			
19.4	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (từ thửa số 139 tờ bản đồ 39) đến nút giao với đường Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (hết đất Trường tiểu học Võ Thị Sáu)	1.386			
19.5	Đoạn từ nút giao Ngõ 164 Đường 12 Tháng 12 đến hết địa giới phường Na Lay (điểm đầu nối với đường Lò Văn Hặc và đường Khoàng Văn Tầm xã Lay Nua)	809			
20	Ngõ 334 Đường Bé Văn Đàn	1.149			
21	Đường Bé Văn Đàn				
21.1	Đường Bé Văn Đàn: Đoạn từ đất nhà bà Lê Thị Oanh (thửa số 68 tờ bản đồ 43) đến nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thụy thửa số 168 tờ bản đồ 39)	939			

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
21.2	Đoạn từ nút giao với Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12 (từ đất nhà Điều Thị Non thửa số 152 tờ bản đồ 39) đến nút giao với Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (hết đất nhà ông Giàng A Nhà thửa số 5 tờ bản đồ 35 đối diện là Trường tiểu học Võ Thị Sáu)	1.135			
22	Ngách 336 Ngõ 136 Đường 12 Tháng 12	809			
23	Đường CK5: Đoạn từ nút giao với đường CK11 đến nút giao với Đường 12 Tháng 12;	809			
24	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7m	809			
25	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 3 m đến dưới 5m	809			
26	Ngõ 104 Đường 12 Tháng 12	809			
27	Ngõ 136 Đường 12 Tháng 12	862			
28	Ngõ 164 Đường 12 Tháng 12	862			
29	Đường CK11: Đoạn từ đầu cầu cơ khí đến giao nhau với QL12;	1.617			
30	Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12	809			
31	Ngõ 41 Đường 12 Tháng 12	809			
32	Ngõ 166 Đường 12 Tháng 12	862			
33	Đường giao thông bản Hóc				
33.1	Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ ngã tư nút giao với Ngõ 41 Đường 12 Tháng 12 Và Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (từ đất nhà ông Lâm Văn Cơi thửa số 60 tờ bản đồ 31) đến nút giao đường QL12 (hết đất Nhà khách Trúc An)	770			
33.2	Ngõ 179 Đường Bế Văn Đàn Và Ngõ 01 Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ nút giao với Ngõ 36 Đường 12 Tháng 12 (từ Trạm xử lý nước thải Cơ Khí) nút giao với Đường 12 Tháng 12	539			
33.3	Đường Bế Văn Đàn: Đoạn từ nút giao với Ngõ 40 Đường 12 Tháng 12 (từ đất nhà ông Sùng A Tủa thửa số 4 tờ bản đồ 35) đến hết đất ông Giàng Văn Hình thửa số 4 tờ bản đồ 28	748			
33.4	- Các đường đất, cấp phối có khổ rộng từ 5 m đến dưới 7 m	539			
33.5	Ngõ 36 Đường 12 Tháng 12: Đoạn từ nút giao với Đường 12 Tháng 12 đến nút giao với Đường Bế Văn Đàn;	539			
33.6	Ngõ 27 Đường 12 Tháng 12	539			
33.7	Đường vành đai 3 (Asean): Đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Hoàng Văn Nô đến hết địa phận phường Điện Biên Phủ	539			
34	Trục đường quốc lộ 6 thuộc phường Na Lay cũ				
	Đoạn từ ngã ba Đường Quốc Lộ 12 đến km 467 Quốc lộ 6	302	283	229	131
35	Đường QL 6 đoạn từ km 467 đến hết địa phận phường Mường Lay	139	77	58	
36	Đường đi UBND xã từ ranh giới bản Phi 2 đến hết ranh giới bản Dê Da thuộc khu vực xã Sá Tổng cũ	89	62	46	
37	Các trục đường liên thôn, liên bản thuộc khu vực xã Sá Tổng cũ	65	54	46	